

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 44/2021/DS-ST
Ngày: 16 - 12 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Mung Niê;
2. Ông Vũ Công Đạt.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại Hội trường B - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 349/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 về: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐST-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thu H.

Địa chỉ: Số nhà A, đường L, Tổ dân phố Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Trịnh Thị M.

Địa chỉ: Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/12/2020, quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Phạm Thị Thu H trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên chị H đã cho chị M đã vay tiền, cà phê nhân xô, cụ thể:

Vào ngày 07/4/2020 dương lịch, chị H có cho chị M vay số tiền 17.000.000 đồng (*mười bảy triệu đồng*). Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền viết tay ghi ngày 07/4/2020, thỏa thuận thời gian trả nợ là ngày 07/12/2020, chị M đã ký ghi rõ họ và tên tại mục người vay. Lãi suất thỏa thuận miệng theo quy định của pháp luật, không ghi trong giấy nợ. Đến hạn chị H đã nhiều lần yêu cầu nhưng chị M vẫn không chịu

trả nợ. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị M phải trả cho chị H số tiền nợ gốc là 17.000.000 đồng.

Về lãi suất: Theo đơn khởi kiện chị H yêu cầu chị M phải trả lãi tính từ ngày vay đến ngày làm đơn khởi kiện ngày 24/12/2020, với mức lãi là 0,83%/tháng, số tiền lãi cụ thể là $17.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 08 \text{ tháng} = 1.210.000 \text{ đồng}$ (làm tròn số), tổng cộng gốc và lãi là 18.210.000 đồng. Đối với yêu cầu chị M phải tiếp tục trả tiền lãi chậm trả đến khi trả xong nợ thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa chị H yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử vụ án là ngày 16/12/2021, với mức lãi 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng, yêu cầu chị M tiếp tục phải trả lại chậm trả theo quy định của pháp luật đến khi trả xong nợ, đồng thời chị H đồng ý đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính lãi theo quy định của pháp luật, được số tiền lãi bao nhiêu chị H đồng ý.

Vào ngày 08/12/2020 dương lịch, chị M có vay của chị H số lượng 600kg cà phê nhân xô, hai bên có viết giấy nợ viết tay ghi ngày 08/12/2020 dương lịch, thỏa thuận 5 ngày chị M sẽ trả nợ, chị M đã ký ghi rõ họ và tên trong mục người vay. Khi đến hạn chị H đã nhiều lần yêu cầu nhưng chị M không chịu trả nợ. Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị M trả cho chị H số lượng 600kg cà phê nhân xô, không yêu cầu tính lãi suất. Tại đơn khởi kiện, chị H có quy ra giá cà phê là 33.000đồng/kg, giá trị 600kg là: $600\text{kg} \times 33.000 \text{ đồng} = 19.800.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng giá trị tiền và cà phê yêu cầu là 38.010.000 đồng là để tính tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Trịnh Thị M, quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án cấp, thông báo, tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chị M đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của chị M. Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy báo tham gia phiên tòa nhưng chị M vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu quan điểm:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn cố tình trốn tránh, không tham gia tố tụng là chưa chấp hành quy định của pháp luật, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình và vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về giải quyết nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc chị M trả cho chị H trả số tiền nợ gốc còn nợ 17.000.000 đồng là phù hợp.

Về lãi suất: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi chậm trả phát sinh trên số tiền vay 17.000.000 đồng của nguyên đơn, với mức lãi được tính theo quy định của pháp luật, tính từ ngày vay đến ngày xét xử vụ án và phải tiếp tục trả lãi chậm trả theo quy định của pháp luật đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật, tố tụng dân sự: Quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Trịnh Thị M cư trú tại Buôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng bị đơn: Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa, giấy báo tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn chị M vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị H, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về yêu cầu trả số tiền nợ gốc, cà phê nhân xô: Căn cứ giấy vay tiền ngày 07/4/2020 dương lịch, lời trình bày của chị H, có đủ căn cứ xác định vào ngày 07/4/2020, chị M đã vay của chị H số tiền 17.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn trả nợ là đến hết ngày 07/12/2020. Tiếp đó vào ngày 08/12/2020 chị H đã tiếp tục cho chị M vay số lượng 600kg cà phê nhân xô, hai bên có viết giấy tay cùng ngày, thỏa thuận thời hạn trả nợ là 5 ngày. Khi đến hạn chị H đã nhiều lần yêu cầu nhưng chị M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, quá trình giải quyết vụ án chị M đã được cấp, thông báo, tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy báo tham gia tố tụng, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng chị M đã không có văn bản nêu ý kiến, không có ý kiến phản đối đối với các yêu cầu khởi kiện, chứng cứ do chị H giao nộp và không hợp tác đến tham gia tố tụng tại Tòa án. Như vậy, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có đủ căn cứ xác định chị M còn nợ chị H số tiền 17.000.000 đồng và số lượng 600kg cà phê nhân xô. Do các đương sự đã tự nguyện giao kết hợp đồng dân sự về việc vay tiền, vay cà phê, nội dung thỏa thuận giữa hai bên không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên. Khi đến hạn chị M không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, nên chị H khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc chị M phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 17.000.000 đồng và số lượng 600kg cà phê nhân xô là có căn cứ.

[2.2] Về lãi suất của số tiền vay: Giấy vay tiền ngày 07/4/2020 dương lịch,

không ghi thỏa thuận về lãi suất, nhưng chị M đã không trả nợ đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Chị H yêu cầu chị M phải trả lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc 17.000.000 đồng là có căn cứ.

Theo đơn khởi kiện chị H yêu cầu tính lãi từ ngày 07/4/2020 đến ngày làm đơn khởi kiện là ngày 24/12/2020 (tương ứng 08 tháng 17 ngày = 257 ngày), tại phiên tòa chị H bổ sung yêu cầu tính lãi chậm trả đến ngày xét xử vụ án, với mức lãi là 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng là đúng quy định tại khoản 1 Điều 244, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nên cần chấp nhận, tiền lãi được tính là:

$17.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 257 \text{ ngày} : 30 = 1.208.000 \text{ đồng}.$

Tiền lãi từ ngày 25/12/2020 (ngày kế tiếp ngày làm đơn khởi kiện) đến ngày xét xử vụ án (ngày 16/12/2021):

$17.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 351 : 30 = 1.650.000 \text{ đồng}.$

Tổng số tiền lãi là 2.858.000 đồng.

Đối với số lượng cà phê 600kg nhân xô, chị H không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.3] Từ những phân tích, nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ, nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H, buộc chị M có nghĩa vụ trả cho chị H số lượng 600 kg cà phê nhân xô và tổng số tiền tính đến ngày xét xử vụ án là 19.858.000 đồng, trong đó nợ gốc 17.000.000 đồng, tiền lãi 2.858.000 đồng. Tiếp tục trả lãi chậm trả phát sinh khi bản án có hiệu lực đến khi trả xong nợ theo quy định của pháp luật là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cần buộc bị đơn chị M phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, theo mức tính $19.858.000 \text{ đồng} + 24.840.000 \text{ đồng} \times 5\%$ (số tiền 24.840.000 đồng là giá trị số lượng cà phê nhân xô quy ra tiền, theo mức giá cà phê nhân xô trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại thời điểm xét xử là 41.400 đồng/kg). Cần hoàn trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 244, các Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 357, 463, 466 và khoản 1, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H.

Buộc bị đơn chị Trịnh Thị M có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H số lượng 600kg cà phê nhân xô và tổng số tiền 19.858.000 đồng (*mười chín triệu tám trăm năm mươi tám ngàn đồng*), trong đó nợ gốc là 17.000.000 đồng (*mười bảy triệu đồng*), nợ lãi tính đến ngày xét xử vụ án (ngày 16/12/2021) là 2.858.000 đồng (*hai triệu tám trăm năm mươi tám ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc bị đơn chị Trịnh Thị M phải chịu 2.234.900 đồng (*hai triệu hai trăm ba mươi tư ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho chị Phạm Thị Thu H số tiền 950.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0011826 ngày 13/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*đã ký, đóng dấu*)

Hoàng Văn Vân

